

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
Số: **2712/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Thừa Thiên Huế, ngày **25** tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 75/75 thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, bao gồm:

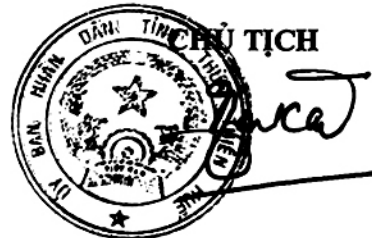
- 57 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế.
- 03 thủ tục hành chính áp dụng quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Y tế dự phòng.
- 06 thủ tục hành chính áp dụng quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Chi An toàn vệ sinh thực phẩm.
- 09 thủ tục hành chính áp dụng quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Giám định y khoa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 và Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Y tế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và CV: YT, TH;
- Lưu: VT, KNNV. ✓



**Nguyễn Văn Cao**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**THROUGH ONE WINDOW AT THE DEPARTMENT OF RECEIVING AND ANSWERING QUESTIONS OF THE MINISTRY OF HEALTH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2712/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận TN&TKQ	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo và Văn phòng	Bộ phận TN&TKQ	
I	Lĩnh vực: Dược - Mỹ phẩm - Y Dược Cổ truyền						
1	Cấp chứng chỉ hành nghề dược	30	1	26	2	1	
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dược	10	0,5	8	1	0,5	
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	30	1	26	2	1	
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	30	1	26	2	1	
5	Bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	30	1	26	2	1	
6	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	30	1	26	2	1	
7	Công bố sản phẩm mỹ phẩm	3	0,25	2	0,5	0,25	
8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề vắc xin, sinh phẩm y tế	30	1	26	2	1	
9	Cấp giấy chứng nhận "Thực hành tốt nhà thuốc"	25	1	21	2	1	
10	Cấp giấy chứng nhận "Thực hành tốt phân phối thuốc"	25	1	21	2	1	
11	Duyệt dự trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc	5	0,5	3	1	0,5	
12	Cấp thẻ người giới thiệu thuốc	20	0,5	18	1	0,5	
13	Đăng ký hội thảo giới thiệu thuốc	10	0,5	8	1	0,5	
14	Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thông tin, quảng cáo mỹ phẩm; hồ sơ đăng ký hội thảo/tổ	10	0,5	8	1	0,5	

	<b>chức sự kiện giới thiệu mỹ phẩm</b>					
15	Đăng ký sản xuất thuốc trong nước thuộc danh mục Phụ lục I quy định chế đăng ký thuốc	60	1	56	2	1
16	Nhập khẩu thuốc theo đường phi mậu dịch	3	0,25	2	0,5	0,25
17	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	30	1	26	2	1
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh</b>					
1	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	60	1	56	2	1
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	1	26	2	1
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	1	26	2	1
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện công lập trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	90	1	86	2	1
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90	1	86	2	1
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90	1	86	2	1
7	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y	90	1	86	2	1

	Loại cơ sở y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế						
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90	1	86	2	1	
9	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90	1	86	2	1	
10	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90	1	86	2	1	
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	90	1	86	2	1	
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	90	1	86	2	1	
13	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	90	1	86	2	1	
14	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	90	1	86	2	1	
15	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	90	1	86	2	1	
16	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	90	1	86	2	1	
17	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	90	1	86	2	1	
18	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	90	1	86	2	1	
19	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	30	1	26	2	1	

20	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn (áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động)	90	1	86	2	1	
21	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016	60	1	56	2	1	
22	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016	60	1	56	2	1	
23	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	1	26	2	1	
24	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	1	26	2	1	
25	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình tư nhân độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	60	1	56	2	1	
26	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa	90	1	86	2	1	
27	Cấp bổ sung lòng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ gia đình đối với trạm y tế cấp xã	90	1	86	2	1	

28	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	90	1	86	2	1	
29	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	30	1	26	2	1	
30	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90	1	86	2	1	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực: Y tế dự phòng và Môi trường</b>						
1	Cấp mới giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	40	1	36	2	1	
2	Cấp mới giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	40	1	36	2	1	
3	Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học hết hạn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10	1	7	1	1	Trường hợp không thẩm định tại phòng xét nghiệm
		40	1	36	2	1	Trường hợp có thẩm định tại phòng xét nghiệm
4	Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học bị hỏng, bị mất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10	1	7	1	1	
5	Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học do thay đổi tên của cơ sở có phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10	1	7	1	1	

6	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo điểm a, c, d Khoản 1 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	30	1	26	2	1
7	Thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm b Khoản 1 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	30	1	26	2	1
8	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm a, Khoản 2, Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	15	1	11	2	1
9	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm b Khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	15	1	11	2	1
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm c Khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	15	1	11	2	1

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ  
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2712/QĐ-UBND** ngày **25** tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận tiếp nhận	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo và Phòng HC	Bộ phận tiếp nhận	
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt	Thời gian giải quyết trong ngày					
2	Cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/ xử lý vệ sinh tàu thuyền	Thời gian giải quyết trong ngày					Nếu có xử lý y tế thì không quá 03 ngày
3	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu	Thời gian giải quyết trong ngày					Nếu nghi ngờ nhiễm khuẩn phải chờ kết quả xét nghiệm

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**




**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ  
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2712 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận tiếp nhận	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo và Phòng HC	Bộ phận tiếp nhận	
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	15	0,5	13	1	0,5	
2	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 26/2012/TT-BYT	7	0,5	5	1	0,5	
3	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	7	0,5	5	1	0,5	Trường hợp xét cấp giấy tiếp nhận
		15	0,5	13	1	0,5	Trường hợp xét cấp giấy xác nhận
4	Cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 38/2012/NĐ-CP	7	0,5	5	1	0,5	
5	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc quản lý của ngành y tế	10	0,5	8	1	0,5	
6	Cấp giấy xác nhận hồ sơ đăng ký tổ chức hội thảo, hội nghị giới thiệu thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Y tế trên địa bàn	10	0,5	8	1	0,5	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**


**DANH MỤC THỰC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	TÊN THỰC HÀNH CHÍNH	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận tiếp nhận	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo và Phòng HC	Bộ phận tiếp nhận	
1	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
2	Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
3	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
4	Giám định để thực hiện chế độ tử tuất cho thân nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	30	1	26	2	1	
5	Giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
6	Giám định bệnh nghề nghiệp tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
7	Giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
8	Giám định khiếu nại của người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	1	26	2	1	
9	Giám định để hưởng trợ cấp mất sức lao động đối với người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)	30	1	26	2	1	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**